

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2019/HS-ST**

Ngày: 14 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Nguyễn Minh

Ông Huỳnh Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lựu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2019/TLST- HS ngày 21 tháng 6 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Văn H (Tên gọi khác: B), sinh ngày 31 tháng 01 năm 1991 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn U (sinh năm 1968) và bà Trần Thị Ph (sinh năm: 1968); Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 04/3/2008 bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng, xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 05 tháng 22 ngày về tội: “ Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2019, tạm giam từ ngày 04/02/2019 đến

nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Chế Giang S** - Luật sư Công ty luật TNHH MTV N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trương Văn H1, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Tổ B, phường H quận L, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Trần H, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Tổ C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 8 giờ 30 phút ngày 01/02/2019, tại ngã 3 đường Nguyễn Văn Cừ - Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Trương Văn H, đang mang trên người 04 gói nilong kích thước (17x25) cm bên trong có các gói nilong nhỏ chứa tinh thể rắn màu trắng; 01 gói nilong kích thước (10x17) cm bên trong có các gói nilong nhỏ chứa tinh thể rắn màu trắng; 02 lọ nhựa bên trong có chứa 125 viên nén màu đen và 01 lọ bên trong có chứa 50 viên nén màu vàng và các viên nén màu trắng;

Tang vật thu giữ gồm:

- 04 gói nilong kích thước (17x25) cm bên trong có các gói nilong nhỏ chứa tinh thể rắn màu trắng ký hiệu A.

- 01 gói nilong kích thước (10x17) cm bên trong có các gói nilong nhỏ chứa tinh thể rắn màu trắng ký hiệu A

- 50 viên nén màu vàng và các viên nén màu trắng ký hiệu A1.

- 125 viên nén màu đen ký hiệu A2

- 01 ĐTDĐ màu đen hiệu Philips, Imel 1: 861277036008458; số Imel 2: 861277036058958.

- 01 ĐTDĐ Iphone màu trắng IC 579C-E2430A.

-01 ĐTDĐ HTC màu trắng model OPM1100D626ph.

-01 máy tính bảng Ipad màu bạc serial: DMPLFOX 1F 18P.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 043486 của xe 43D1 – 71425.
- 01 xe mô tô màu đen BKS 43D1 - 71425.
- 01 túi xách màu đen.

Toàn bộ tài sản thu giữ tại biên bản bắt người phạm tội quả tang là của Trương Văn H.

Quá trình điều tra xác định như sau:

Vào chiều ngày 29/01/2019, Trương Văn H đón xe khách từ Đà Nẵng ra Huế chơi và gặp một số bạn, đến tối ngày 31/01/2019, H ngồi nhậu với bạn tên Đen, Hòa (không rõ nhân thân, lai lịch) thì gặp bạn tên Đức (không rõ tên tuổi, địa chỉ, lai lịch). Được biết ngày 01/02/2019, H vào lại Đà Nẵng, Đức gọi ra ngoài nói chuyện. Đức nói H đem 01 túi xách có chứa ma túy vào Đà Nẵng. H hỏi lại loại ma túy gì thì Đức nói hàng “khay”, “thuốc lắc”, “đá”, H đồng ý và nói khi nào giao ma túy, Đức bảo sẽ liên lạc sau. Đến 06 giờ 30 phút ngày 01/02/2019, H đi xe khách vào Đà Nẵng khi đến đoạn hầm Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế, Đức liên hệ với H địa điểm nhận ma túy, tại đây H xuống xe khách đến nhận ma túy từ Đức rồi lên xe về Đà Nẵng. Trên đường đi H điện thoại hỏi lại Đức đem ma túy vào giao cho ai thì Đức nói cứ vào Đà Nẵng sẽ có người liên lạc nhận ma túy. Để che giấu cho việc vận chuyển ma túy của mình không bị phát hiện Hậu điện thoại cho em ruột Trương Văn H 1, nói H 1 đem xe mô tô BKS 43D1-714.25 đến cửa đèo hầm Hải Vân để đưa cho Hậu. Đến 07 giờ 30 phút cùng ngày, H1 đến gặp và đưa xe cho H. Sau đó H1 đi xe trung chuyển về lại nhà. Còn H điều khiển xe mô tô cùng ba lô ma túy đi đường đèo Hải Vân. Khi đến ngã ba giao nhau đường Nguyễn Văn Cừ - Tạ Quang Bửu thuộc phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Theo kết luận giám định số 31/GĐ-MT ngày 03/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

-Tinh thể rắn màu trắng gói niêm phong ký hiệu Aa gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu Aa là: 1.479,37 gam.

-Tinh thể rắn màu trắng gói niêm phong ký hiệu Ab và Ac gửi giám định đều là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu Ab là: 797,48 gam và Ac là: 99,822 gam.

Viên nén gói niêm phong ký hiệu A1 và A2 gửi giám định đều là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu A1 là: 24,335 gam và A2 là: 59,870 gam.

Tại Bản cáo trạng số: 45/CT-VKS-P1 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố Trương Văn H về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 xử phạt bị cáo Trương Văn H mức án tù chung thân về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS

+ Tịch thu tiêu hủy: Mẫu hoàn trả sau giám định số 31/GĐ-MT ngày 03/02/2019 của Phòng KTHS -CATP Đà Nẵng và 01 túi sách màu đen.

+ Đề nghị tịch thu sung công quỹ: 01 ĐTDĐ Iphone màu trắng IC 579C-E2430A

+ Đề nghị trả lại cho bị cáo: 01 ĐTDĐ màu đen hiệu Philips, Imel 1: 861277036008458; số Imel 2: 861277036058958; 01 ĐTDĐ HTC màu trắng model OPM1100D626 ph; 01 máy tính bảng Ipad màu bạc serial: DMPLFOX 1F 18P và 01 CMND số 201598710 cấp cho Trương Văn H.

+ Trả lại 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 043486 của xe 43D1-71425 và 01 xe mô tô màu đen BKS 43D-71425 cho anh Nguyễn Trần H.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh. Do bị cáo bị bạn bè rủ rê và cả nể, hiện bị cáo bị bệnh, gia đình khó khăn. Đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án tù có thời hạn, để bị cáo sớm trở về đoàn tụ gia đình. Về hình phạt bổ sung, mong HĐXX xem xét và giảm nhẹ hình phạt bổ sung

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về hành vi, quyết định tố tụng* của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục

theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thấy:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định các chất ma túy, cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án, cũng như tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX đủ cơ sở kết luận: Lúc 8 giờ 30 phút ngày 01/02/2019, tại ngã 3 đường Nguyễn Văn Cừ - Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Trương Văn H có hành vi vận chuyển 1.479,37 gam ma túy loại Methamphetamine; 897,302 gam ma túy loại Ketamine và 84,205 gam ma túy loại MDMA cho đối tượng tên Đức thì bị Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện và bắt quả tang. Tổng khối lượng ma túy bị thu giữ là 2.460,877 gam. Hành vi của bị cáo Trương Văn H đã phạm vào tội: “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định điểm h khoản 4 Điều 250 BLHS như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý độc quyền của Nhà về chất ma túy, nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ gây hậu quả đặc biệt lớn cho xã hội. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ không biết ăn năn hối cải. Vì vậy cần có mức án thật nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần vào công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý tội phạm về ma túy.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 04/3/2008 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng, xử phạt 18 tháng tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm 05 tháng 22 ngày. Vào ngày 26/6/2019 gia đình bị cáo mới nộp 50.000 đồng tiền án phí HSST của bản án trên, nên bị cáo chưa được xóa án tích, nay bị cáo tiếp tục phạm tội do cố

ý thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng.

HĐXX thống nhất với Viện kiểm sát cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS do bị cáo bị bệnh thoát vị đĩa đệm, gia đình khó khăn, xét đề nghị của Luật sư chưa có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự thì: “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”. HĐXX thấy trước khi phạm tội bị cáo có nghề nghiệp ổn định, cần phạt bổ sung bị cáo số tiền là 50.000.000 đồng.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS, vật chứng được xử lý như sau:

- Đối với mẫu hoàn trả sau giám định số 31/GĐ-MT ngày 03/02/2019 của Phòng KTHS - CATP Đà Nẵng và 01 túi sách màu đen. Xét thấy các vật chứng trên là mẫu ma túy còn lại sau giám định và không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 ĐTDĐ Iphone màu trắng IC 579C-E2430A. Xét thấy, bị cáo dùng vào việc liên lạc vận chuyển ma túy, cần tịch thu sung công quỹ.

- Đối với 01 ĐTDĐ màu đen hiệu Philips, Imel 1: 861277036008458; số Imel 2: 861277036058958; 01 ĐTDĐ HTC màu trắng model OPM1100D626 ph và 01 máy tính bảng Ipad màu bạc serial: DMPLFOX 1F 18P. Xét thấy không liên quan đến vụ án cần tuyên trả cho bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo phải chấp hành phạt bổ sung số tiền 50.000.000 đồng, nên cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 CMND số 201598710 cấp cho Trương Văn H là giấy tờ tùy thân của bị cáo, nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô màu đen BKS 43D1-71425 01 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 043486 của xe 43D1 -71425 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Trần H. Xét thấy bị cáo mượn xe của anh H, nhưng anh H không biết bị cáo sử dụng để vận chuyển ma túy, nên cần trả lại cho anh Nguyễn Trần H.

Tất cả vật chứng trên, hiện Cục thi hành án thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2019.

Đối với đối tượng tên Đức, Hòa, Đen chưa xác định được họ tên, địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Trương Văn H1 em ruột của Trương Văn H là người trực tiếp mang xe mô tô ra hầm Hải Vân cho H nhưng không biết việc H dùng xe mô tô để vận chuyển ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập đến trách nhiệm hình sự, nên HĐXX không đề cập đến.

Án phí HSST: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn H phạm tội : “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ vào: Điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt: **Trương Văn H tù chung thân.** Thời hạn tù tính từ ngày 01/02/2019.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trương Văn H số tiền: 50.000.000 đồng.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS, tuyên:

2.1 Tịch thu tiêu hủy:

- Mẫu hoàn trả sau giám định số 31/GĐ-MT ngày 03/02/2019 của Phòng KTHS -CATP Đà Nẵng và 01 túi sách màu đen.

2.2 Tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án:

- 01 ĐTDĐ màu đen hiệu Philips, Imel 1: 861277036008458; số Imel 2: 861277036058958.

- 01 ĐTDĐ HTC màu trắng model OPM1100D626 ph.

- 01 máy tính bảng Ipad màu bạc serial: DMPLFOX 1F 18P.

2.3 Tịch thu sung công quỹ:

- 01 ĐTDĐ Iphone màu trắng IC 579C-E2430A.

2.4 Tuyên trả lại cho bị cáo Trương Văn H:

- 01 CMND số 201598710 cấp cho Trương Văn H.

2.5 Trả lại cho anh Nguyễn Trần H:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 043486 của xe BKS 43D1-71425.
- 01 xe mô tô màu đen BKS 43D1-71425.

Tất cả vật chứng trên, hiện Cục Thi hành án thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2019.

3. Án phí HSST: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trương Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN (PV 27);
- Phòng PC 44 - CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an TP.ĐN;
- Sở tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng

